TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HN-ST
Ngày: 10 - 10 - 2025.
"V/v tranh chấp **x**in ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Ông Nguyễn Quốc Tiến**

2/ Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 1 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2025, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 09 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 44/2025/QĐST-HN ngày 24 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 12/03/1985 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 91/7/12A đường T, phường G, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Thái Thanh H1, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 91/7/12A đường T, phường G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/07/2025; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày: Chị H và anh H1 tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận

kết hôn số 112 ngày 12/11/2012 (đăng ký quá hạn). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở gia đình chồng tại số 91/7/12A đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Nguyên nhân yêu cầu xin ly hôn: Thời gian đầu sống hạnh phúc thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến khoảng giữa năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân đến nay. Do bất đồng quan điểm, hay cải vã chủ yếu là về kinh tế, anh H1 không tôn trọng chị H và bên gia đình cha mẹ ruột chị H. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không được. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh H1 không thể tiếp tục sống chung sống, mục đích hôn nhân không đạt nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Thái Thanh N, sinh ngày 14/05/2008. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Thái Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh H1 không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh Thái Thanh H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Thái Thanh H1; Về con chung: Giao người con chung tên Thái Thanh N, sinh ngày 14/05/2008 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn chị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như phát biểu của đại diện Viên Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Thái Thanh H1 và anh H1 là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 01 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thái Thanh H1 không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh H1 cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh H1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Thái Thanh H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 12/12/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh H1 không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị H xác định sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân đến nay. Do bất đồng quan điểm, hay cải vã chỉ yếu là về kinh tế, ngoài ra anh H1 không tôn trọng chị H và bên gia đình cha mẹ ruột chị H. Mặc dù vợ chồng anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không được. Trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng chị H và anh H1 không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".* Anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị H cũng như chứng cứ do chị H cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó,

yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định vợ chồng chung sống 01 người con chung tên Thái Thanh N, sinh ngày 14/05/2008. Chị H yêu cầu được nuôi người con. Xét yêu cầu nuôi con của chị H và theo nguyện vọng của cháu Ngọc mong muốn được sinh sống cùng với mẹ (chị H) nếu cha mẹ ly hôn (được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 08/09/2025). Xét thấy, Cháu Ngọc hiện nay cũng sắp đến tuổi trưởng thành và nguyện vọng của cháu cũng muốn được sinh sống với mẹ. Do đó, giao cháu Ngọc cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh H1 không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh H1 có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 01 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Thái Thanh H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Thái Thanh N, sinh ngày 15/04/2008 cho đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Thái Thanh H1 có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* chị Diệu được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016895 ngày 25/07/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Thái Thanh H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thùy Linh

*** Nơi nhận :**
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 1-An Giang
- THA DS tỉnh An Giang
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn UBND phường Vĩnh Thông –KG. (nay là phường Vĩnh Thông – An Giang);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.